

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2020/DS-ST**

Ngày: 31-8-2020

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi và vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Cảnh

2. Ông Nguyễn Văn Bàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2019/TLST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp về Hợp đồng dân sự góp hụi và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T, sinh năm 1978 (có mặt);

2. *Bị đơn:* - Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1967 (vắng mặt);

- Chị Tạ Thị Thu H, sinh năm 1973 (vắng mặt);

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị B1, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 3 BA, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 02/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị tham gia góp hụi của anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H làm chủ như sau:

- Ngày 05/9/2016 AL, anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H có mở dây hụi loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 27 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 05 hàng tháng, chị tham gia 02 phần, góp hụi sống 27 lần, mãn ngày 20/10/2018 AL, theo được lĩnh 54.000.000 đồng (1.000.000 đồng x 27 phần x 02 phần), trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng (mỗi phần 500.000 đồng x 02 phần), 02 phần chị lĩnh không phải góp vô là 2.000.000 đồng, sau khi mãn hụi Tạ Thị Thu H có giao cho chị số tiền được lĩnh hụi là 30.500.000 đồng, anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H còn nợ chị là 20.500.000 đồng.

- Ngày 10/9/2016 AL, anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H có mở dây hụi loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 28 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, chị tham gia 03 phần, góp hụi sống 28 lần, mãn ngày 10/11/2018 AL, theo được lĩnh chị và chị Tạ Thị Thu H thống nhất số tiền là 150.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 28 phần x 03 phần = 168.000.000 đồng nhưng chị và chị Tạ Thị Thu H thống nhất số tiền là 150.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng mỗi phần 1.000.000 đồng = 3.000.000 đồng), sau khi mãn hụi chị Tạ Thị Thu H có giao cho chị số tiền được lĩnh hụi là 100.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H còn nợ chị là 50.000.000 đồng.

- Ngày 15/11/2017 AL, anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H có mở dây hụi loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 24 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, chị tham gia 03 phần, góp hụi sống 08 lần đến ngày 15/6/2018 AL thì chị Tạ Thị Thu H tuyên bố ngưng hụi, theo chị được lĩnh số tiền là 48.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng mỗi phần 1.000.000 đồng = 3.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H còn nợ chị là 45.000.000 đồng.

Đồng thời, ngày 20 tháng 6 năm 2016, chị Tạ Thị Thu H có vay của chị số tiền 11.000.000 đồng vốn gốc, không có lãi, chị Tạ Thị Thu H hẹn trả từ từ nhưng đến nay chị Tạ Thị Thu H chưa trả cho chị đồng nào, anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H còn nợ chị là 11.000.000 đồng.

Ngày 15/8/2018 AL, chị có cho chị Tạ Thị Thu H vay số tiền 40.000.000 đồng vốn gốc, không có lãi, chị Tạ Thị Thu H hẹn trả từ từ nhưng đến nay chị Tạ Thị Thu H trả cho chị được 8.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H còn nợ chị là 32.000.000 đồng.

Tổng các khoản nói trên anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H còn nợ chị 158.500.000 đồng. Trong đó: 115.500.000 đồng tiền hụi, 43.000.000 đồng tiền vay vốn gốc. Nay chị yêu cầu anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H trả

cho chị 158.500.000 đồng. Trong đó: 115.500.000 đồng tiền hụi, 43.000.000 đồng tiền vay.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2020 và đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án ngày 07/01/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị B1 trình bày như sau:*

Trước đây chị Trương Thị T có tham gia góp hụi chị làm chủ, sau này anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H có nói với chị cho tham gia góp 01 phần hụi nhưng chị không cho thì anh B và chị H nhờ chị T tham gia góp 01 phần chị làm chủ và chị T thực hiện nghĩa vụ góp hụi đầy đủ, không vi phạm lần nào nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết gì cho chị. Do công việc chị đi làm ăn nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giải quyết và xét xử vắng mặt, chị giữ nguyên ý kiến trình bày trước đây, chị không có trình bày yêu cầu gì thêm.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2020, người làm chứng ông Huỳnh Văn L trình bày như sau:*

Vào ngày 09/01/2019, ông cùng với anh Nguyễn Văn H và anh Dương Thành C tổ chức hòa giải vụ của chị Trương Thị T yêu cầu anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H trả nợ, số tiền bao nhiêu và thỏa thuận như thế nào nay ông không nhớ, ông không có ghi vào sổ họp, còn các thành viên có ghi không vào sổ họp ông không biết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2020, người làm chứng anh Dương Thành C trình bày như sau:*

Khi chị Trương Thị T nộp đơn yêu cầu áp giải quyết, ngày 09/01/2019, áp có tổ chức hòa giải giữa chị Trương Thị T và chị Tạ Thị Thu H thành phần hòa giải gồm có: Ông Huỳnh Văn L làm Chủ tọa, anh Nguyễn Văn H là Tổ viên tổ hòa giải, anh (Dương Thành C) làm Thư ký ghi biên bản. Nội dung, bà T yêu cầu anh B và chị H trả 130.000.000 đồng tiền hụi và tiền vay tài sản. Ngoài ra, tại thời điểm hòa giải, chị T có tham gia góp hụi do anh B và chị H làm chủ, đây hụi loại 2.000.000 đồng, chị T tham gia góp 03 phần, mới mở hụi được 08 lần với tổng số tiền 48.000.000 đồng chưa mãn hụi nên bà T không yêu cầu áp giải quyết, từ đó anh không ghi vào biên bản hòa giải của áp ngày 09/01/2019.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2020, người làm chứng anh Nguyễn Văn H trình bày như sau:*

Ngày 09/01/2019, áp tổ chức hòa giải giữa chị Trương Thị T và chị Tạ Thị Thu H, thành phần hòa giải gồm có: Ông Huỳnh Văn L làm Chủ tọa, anh (Nguyễn Văn H) là Tổ viên tổ hòa giải, anh Dương Thành C làm Thư ký ghi biên

bản. Nội dung, chị T yêu cầu anh B và chị H trả 130.000.000 đồng tiền hụi và tiền vay tài sản thì chị T và chị H thống nhất với nhau về số tiền còn nợ, chị H yêu cầu được trả dần thì chị T không đồng ý nên chị T tiếp tục yêu cầu lên cấp trên. Ngoài ra, chị H còn trình bày thêm còn nợ chị T số tiền khác nhưng chị T không yêu cầu, không ghi vào biên bản hòa giải của ấp ngày 09/01/2019 nên nay anh không nhớ nợ tiền gì và số tiền bao nhiêu. Khi hòa giải anh là Công an viên bảo vệ trật tự, an toàn buổi hòa giải nên anh không có ghi vào sổ họp và anh không ghi vào giấy tờ gì.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H biết để cho anh B và chị H có ý kiến về việc chị Trương Thị T yêu cầu anh B và chị H trả số tiền hụi và tiền vay còn nợ nhưng anh B và chị H không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân Trương Thị T, Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 09-01-2019, Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của người bị kiện ngày 07-11-2019, Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 73/2019/QĐST-DS ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, Biên bản lấy lời khai của đương sự Trần Thị B1 ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, Đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử vụ án ngày 07/01/2020 của chị Trần Thị B1, Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Huỳnh Văn L ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang và người làm chứng anh Dương Thành C, ông Nguyễn Văn H ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Trương Thị T xác định và yêu cầu anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H trả cho chị 130.000.000 đồng tiền hụi và tiền vay vốn theo biên bản hòa giải ngày 09/01/2019 của ấp 3 BA, chị rút lại khởi kiện yêu cầu anh B và chị H trả số tiền hụi 28.500.000 đồng, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị B1 có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ

tục tổ tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 238, 239 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử là 07 tháng 18 ngày là quá thời hạn chuẩn bị xét xử 01 tháng 18 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị B1 có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn B, chị Tạ Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị B1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị T yêu cầu anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H trả cho chị 158.500.000 đồng tiền hui và tiền vay vốn. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh B và chị H trả cho chị 130.000.000 đồng tiền hui và tiền vay vốn theo biên bản hòa giải ngày 09/01/2019 của ấp 3 BA là có căn cứ chấp nhận và phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 471 của Bộ luật dân sự. Chị T rút yêu cầu khởi kiện trả số tiền hui 28.500.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trương Thị T yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H trả tiền hui và tiền vay còn nợ, nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp 3 BA, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cho nên được xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H biết để cho anh B và chị H biết có ý kiến về việc chị Trương Thị T yêu cầu anh B và chị H trả số tiền

hụi và tiền vay còn nợ nhưng anh B và chị H không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị B có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh B và chị H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh B và chị H nhưng anh B và chị H vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai chị T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B, chị H và chị B1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng góp hụi giữa chị Trương Thị T và anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H xác lập hợp đồng bằng lời nói, hụi có lãi và có hoa hồng, anh B và chị H có lập danh sách những người tham gia góp hụi, khi lĩnh hụi chị H có ghi số tiền giao và số tiền còn nợ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biếu, phượng. Đồng thời, chị T cho anh B và chị H vay tiền xác lập hợp đồng bằng lời nói, thỏa thuận không có lãi là phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Xét khởi kiện của chị Trương Thị T yêu cầu anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H trả cho bà tiền hụi chưa góp là 87.000.000 đồng và trả tiền vay là 43.000.000 đồng vốn gốc. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị T khởi kiện yêu cầu anh B và chị H trả tiền hụi chưa góp và tiền vay vốn gốc còn nợ là phù hợp với lời khai của những người làm chứng anh Dương Thành C, anh Nguyễn Văn H và biên bản hòa giải ngày 09/01/2019 của ấp 3 BA, xã NY cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án (Bút lục từ số: 01 đến 06, bút lục số: 08 và từ số: 57 đến 60), có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, chị T khởi kiện yêu cầu anh B và chị H trả tiền hụi và tiền vay nhưng từ khi thụ lý vụ án giải quyết đến nay anh B và chị H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T là có thật và thuộc trường hợp anh B và chị H thừa nhận hoặc không phản đối yêu cầu của chị T đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị T. Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho chị Trương Thị T 130.000.000 đồng tiền hui chưa góp và tiền vay vốn gốc. Trong đó: 87.000.000 đồng tiền hui chưa góp và 43.000.000 đồng tiền vay vốn gốc còn nợ theo quy định tại Điều 466, khoản 1 Điều 469 và Điều 471 của Bộ luật dân sự.

Đối với số tiền hui 28.500.000 đồng, chị Trương Thị T rút lại yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 206, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 241, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 469 và Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho chị Trương Thị T tiền hui chưa góp và tiền vay vốn gốc là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng). Trong đó: 87.000.000 đồng tiền hui chưa góp và 43.000.000 đồng tiền vay vốn gốc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số

tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử phần chị Trương Thị T rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi 28.500.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.500.000 đồng (130.000.000 đồng x 5%).

Chị Trương Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Trương Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.212.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008228 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 31/8/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Sang).

Trần Văn Thảo